TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn;
2. Bà Huỳnh Thị Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969;

Trú tại: Số 55/26, đường B, khu phố T, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1978;

Trú tại: Số 55/26, đường B, khu phố T, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03-3-2020, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Năm 1998 ông với bà Lê Thị T tự nguyện chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất

đồng quan điểm thường xuyên cãi vã, đã nhiều lần hàn gắn; vợ chồng chung sống lại với nhau. Đến ngày 06-02-2011 bà T đã bỏ nhà đi đến nay không về; ông S đã báo chính quyền địa phương, đi tìm khắp nơi và đăng tin tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của bà T; ngày 28-8-2019 ông S làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà T mất tích; đến ngày 10-02-2020 Tòa án ra Quyết định chấp nhận yêu cầu tuyến bố mất tích của ông S đối với bà lê Thị T, tuyên bố bà Lê Thị T mất tích. Nay ông S xin ly hôn đối với bà Lê Thị T.

Về con chung: Có 04 cháu tên Nguyễn Quang D, sinh năm 1999; Nguyễn Quang B, sinh năm 2001; Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 2003 và Nguyễn Quang H, sinh năm 2006, hiện 02 cháu D và B đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, còn 02 cháu T và H khi bà T bỏ nhà đi đã dắt theo không liên lạc được và không có tin tức nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn Tòa án đã niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không ghi được ý kiến trình bày. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn Tòa án đã niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nên tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn S với bà Lê Thị T là vợ chồng; về con chung, tài sản chung, nợ chung không giải quyết và ông S phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị T vắng mặt Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S: Theo ông S khai năm 1998 ông với bà Lê Thị T tự nguyện chung sống với nhau, không đăng ký kết

hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình; nên mối quan hệ này không được pháp luật công nhận; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã, đã nhiều lần hàn gắn vợ chồng chung sống lại với nhau. Đến ngày 06-02-2011 bà T đã bỏ nhà đi đến nay không về; ông đã báo chính quyền địa phương, đi tìm khắp nơi và đăng tin tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của bà T. Ngày 28-8-2019 ông S làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà T mất tích; đến ngày 10-02-2020 Tòa án ra Quyết định tuyên bố bà Lê Thị T mất tích, nay ông S xin ly hôn đối với bà T. Xét thấy do ông S và bà T không có đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn S với bà Lê Thị T.

[3] Về con chung: Có 04 cháu tên Nguyễn Quang D, sinh năm 1999; Nguyễn Quang B, sinh năm 2001; Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 2003 và Nguyễn Quang H, sinh năm 2006. Hai cháu D và B đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, còn hai cháu T và H khi bà T bỏ nhà đi đã dắt theo không liên lạc được và không có tin tức ông S không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn S với bà Lê Thị T; con chung, tài sản chung, nợ chung không giải quyết; ông S phải chịu án phí theo luật định. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 14 và Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn S với bà Lê Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002453 ngày 04-5-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Phan Tuyến